

BIẾN ĐỘNG CÁC CHỈ SỐ

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NGHỊ 24/08/2020

Tổng quan thị trường	HSX	HNX
Giá trị đóng cửa	868,68	123,16
Thay đổi (%)	1,63%	0,43%
KLGD (triệu CP)	381,52	61,71
GTGD (tỷ VNĐ)	6.646,03	788,57
Số CP tăng giá	330	120
Số Cp đứng giá	63	181
Số Cp giảm giá	84	53

Chỉ số tài chính	HSX	HNX
PB (lần)	1,91	1,06
PE (lần)	14,18	9,80
Hệ số Beta	1,00	0,76
ROE (%)	16,56%	14,53%
ROA (%)	6,75%	4,92%

Giao dịch thỏa thuận	HSX	HNX
Khối lượng (triệu CP)	35,79	13,66
GTGD (tỷ VNĐ)	915,50	195,47

Giao dịch NĐT NN	HOSE	HNX
Giá trị mua (tỷ VNĐ)	676,30	7,19
Giá trị bán (tỷ VNĐ)	1.071,93	14,23
GTGD ròng (tỷ VNĐ)	395,63	7,04
Tổng GTGD (tỷ VNĐ)	402,67	

Chỉ số HDTL	Đóng cửa	+/-
VN30-Index	809,69	16,09
VN30F2008	815,50	22,60
VN30F2009	811,00	22,50
VN30F2012	806,10	22,20
VN30F2103	806,40	22,40

Thị trường thế giới	Đóng cửa	(%)
DJI *	27.930,33	0,69%
S&P 500 *	3.397,16	0,34%
DAX *	12.785,50	0,34%
FTSE 100 *	6.001,89	0,19%
Nikkei 225	22.985,51	0,28%
Hang Seng	25.551,58	1,74%

* Các chỉ số lấy giá trị phiên liền trước

PHIÊN GIAO DỊCH ĐẦU TUẦN ĐẦY HỨNG KHÓI, VNINDEX TĂNG GẦN 14 ĐIỂM VỚI LƯỢNG THANH KHOẢN ĐỘT BIẾN

Diễn biến thị trường:

Tiếp nối phiên giao dịch tăng điểm tuần trước, thị trường mở cửa trong trạng thái tích cực của nhà đầu tư với khoảng gap gần 4 điểm. Tuy nhiên, dòng tiền của thị trường đã không còn giữ được sự thận trọng như những phiên giao dịch trong hơn 2 tuần vừa qua. Thay vào đó, thanh khoản không ngừng đổ vào thị trường, khiến đà tăng của thị trường liên tục được củng cố. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index đóng cửa ở mức giá cao nhất trong ngày tại 868,68 điểm, tương ứng với mức tăng 13,9 điểm. Đóng góp nhiều nhất trong phiên tăng điểm của VN-Index chính là VIC với mức tăng 3,4%. Ngoài ra cũng có nhiều cổ phiếu khác cũng có mức tăng tốt và đóng góp vào đà tăng của thị trường là: DHG (+5,9%), PLX (+4,2%), PNJ (+4,1%), TCB (+2,9%), MWG (+2,6%).

Nhìn chung, dòng tiền lan tỏa trên toàn thị trường khi trên sàn HSX có đến 330 mã tăng giá trong khi chỉ có 84 mã giảm giá. Đặc biệt trong rổ chỉ số VN30 đã chứng kiến một phiên giao dịch mà không có bất kỳ cổ phiếu nào có sắc đỏ. Hầu hết các nhóm ngành đều có sự khởi sắc trong phiên giao dịch ngày hôm nay, từ các nhóm ngành mang tính thị trường như ngân hàng, chứng khoán, xây dựng, bất động sản, dầu khí cho đến các ngành ít thu hút dòng tiền hơn như dược phẩm và thủy điện. Đã có nhiều cổ phiếu đóng cửa với mức trần như DGC, DGW, BFC, TDH, DRH.

Trên sàn HNX, đà tăng có phần chậm hơn do cổ phiếu ACB không thể duy trì được những phiên tăng ấn tượng mà đóng cửa trong sắc đỏ. Đóng cửa, HNX-Index chỉ tăng 0,52 điểm tương ứng 0,42%.

Sự hoài nghi về xu hướng thị trường đã bị đập tan trong phiên giao dịch ngày hôm nay khi VN-Index có phiên giao dịch bùng nổ không chỉ về mặt điểm số mà cả về mặt thanh khoản. Giá trị giao dịch trên sàn HSX đạt 6.546 tỷ, tăng mạnh 34.02% so với phiên giao dịch trước và tăng 43.32% so với thanh khoản trung bình 15 phiên giao dịch gần nhất. Mặc dù vậy, trái ngược với sự lạc quan của thị trường, khối ngoại vẫn bán ròng trong phiên giao dịch ngày hôm nay với giá trị tương đối lớn đạt 402,7 tỷ trên cả 2 sàn. Các cổ phiếu bị bán ròng mạnh là các cổ phiếu nằm trong nhóm vốn hóa lớn như VNM (-95.92 tỷ), HPG (-81.17 tỷ), VHM (-56,02 tỷ), VRE (- 48,65 tỷ).

Diễn biến CP CSI:

Trong phiên hôm nay bên bán và bên mua vẫn chưa đạt được mức giá chung, khiến cho cổ phiếu CSI không xuất hiện giao dịch nào. Kết phiên, CP CSI giữ giá tham chiếu 14.900 đồng/CP.

KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ:

Đúng như trong các nhận định trước, chúng tôi đã cho rằng giai đoạn gần đây VN-Index đang vận động trong xu hướng tích lũy để chuẩn bị cho một đà tăng mới. Và phiên giao dịch ngày hôm nay với sự đồng thuận về mặt điểm số và thanh khoản, một xu hướng tăng điểm đã được mở ra trên thị trường. Với những tín hiệu tích cực ở thời điểm hiện tại, chúng tôi đưa ra khuyến nghị nhà đầu tư có thể mạnh dạn gia tăng thêm tỷ trọng cổ phiếu cho danh mục của mình, đồng thời có thể tham khảo thêm danh mục khuyến nghị của chúng tôi để có những vị thế mua mới.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CHUYÊN SÂU VNINDEX



Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo ngắn hạn	Chỉ báo/Chỉ số	Chỉ báo Trung hạn
Stochastic	TÍCH CỰC	MACD	TÍCH CỰC
Volume	TÍCH CỰC	MA18	TÍCH CỰC
MA Ngắn hạn	TÍCH CỰC	MA65	TÍCH CỰC
Trend Ngắn hạn	TÍCH CỰC	Trend Trung hạn	TIÊU CỰC

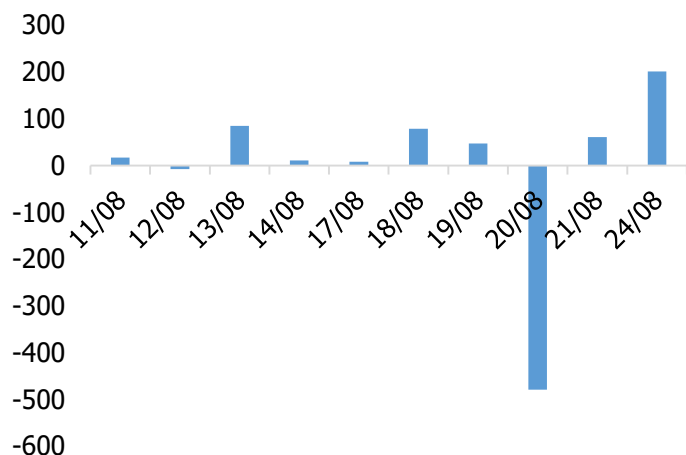
Kết luận: Phiên bùng nổ tăng điểm rất ấn tượng của chỉ số Vn-index trong ngày giao dịch đầu tuần hôm nay. Biên độ tăng được nới rộng đáng kể với sự hỗ trợ rất đặc lực của thanh khoản cho thấy tâm lý của giới đầu tư đang rất lạc quan.

Đáng chú ý là đà tăng được duy trì trong suốt phiên và càng về cuối càng hưng phấn giúp chỉ số Vn-index đóng cửa ở mức cao nhất ngày. Xét về yếu tố kỹ thuật, chúng ta nhận thấy đây là một phiên bùng nổ theo đà và tạo một khoảng Gap tăng giá rất tốt, đẩy chỉ số Vn-index bật mạnh ra khỏi kênh tích lũy của các đường trung bình MA18, MA65. Tín hiệu cơ sở nền tảng cho xu hướng tăng điểm đã xuất hiện, nên chúng ta có thể mạo hiểm tăng thêm tỷ trọng CP, đồng thời mở thêm nhiều vị thế mua mới, ưu tiên chờ điểm mua khi thị trường có nhịp điều chỉnh nhẹ.

GIAO DỊCH NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỈ SỐ ĐỊNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

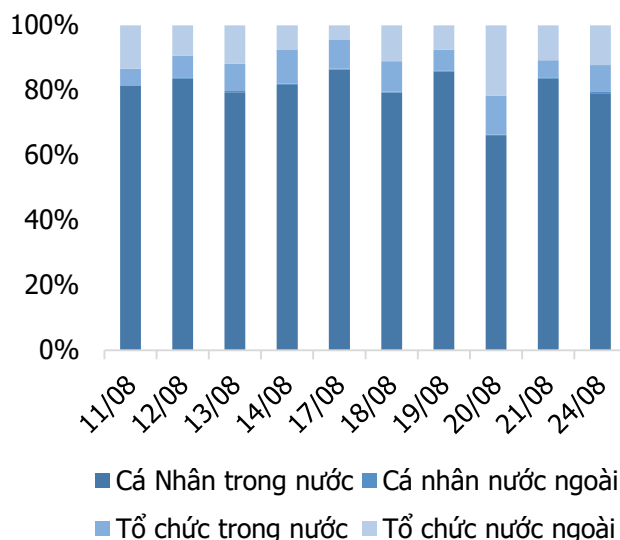
Giao dịch tự doanh ròng - Ngày

Giao dịch tự doanh ròng theo ngày



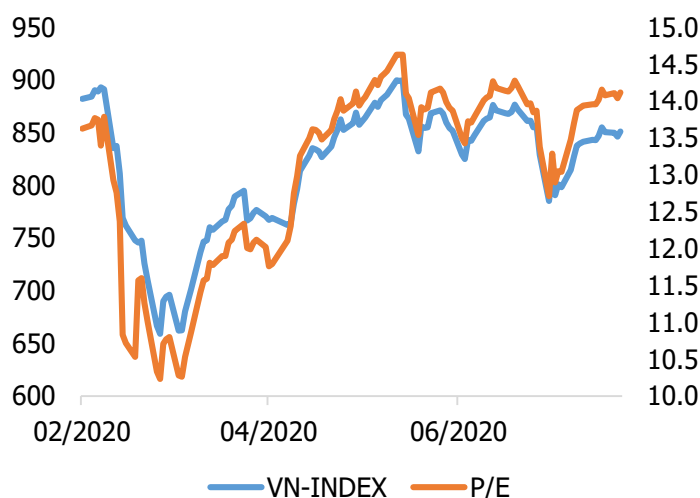
Giá trị giao dịch ròng của nhà đầu tư - Ngày

Giá trị Giao dịch theo NĐT-Ngày



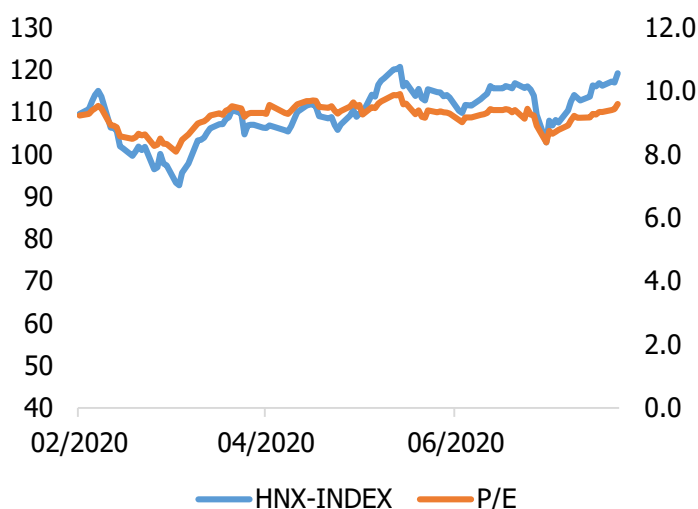
Vn-index - P/E lịch sử

VNIndex - P/E lịch sử



Hn-index - P/E lịch sử

HNXIndex - P/E lịch sử



TOP MUA TỰ DOANH

Mã CP	Top mua	
	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
VNM	116,500	31,833.40
HPG	24,800	29,595.61
VIC	89,000	24,438.89
FPT	48,450	22,369.84
VPB	23,200	17,386.77

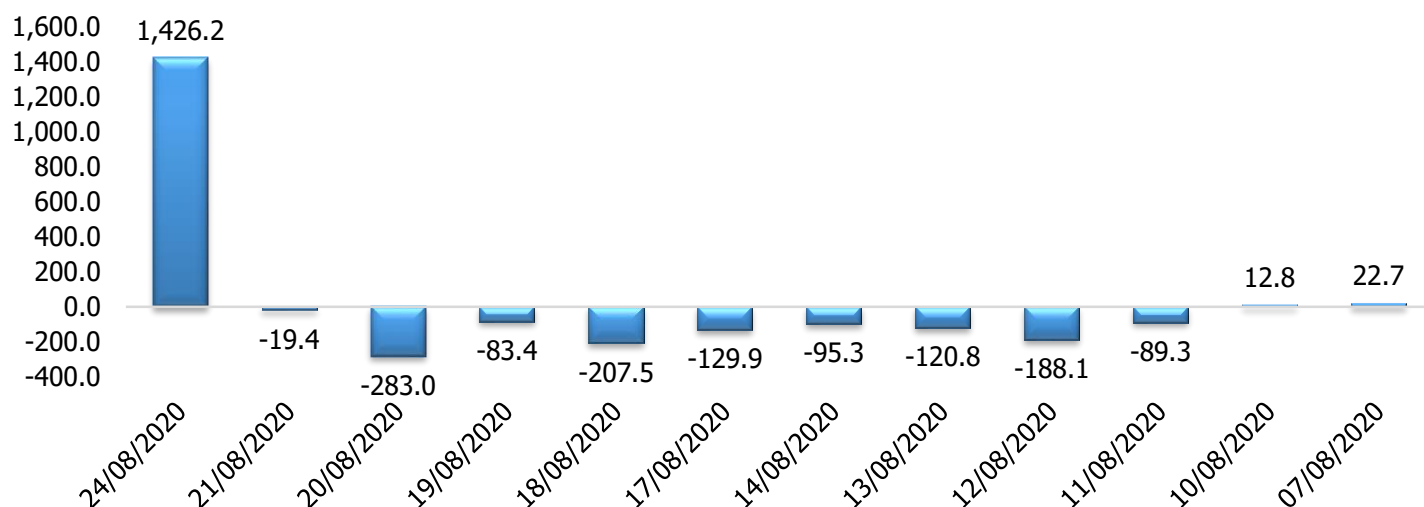
TOP BÁN TỰ DOANH

Mã CP	Top bán	
	Giá	Giá trị (Tr, đồng)
STB	11,300	36,347.32
E1VFN30	13,580	15,643.36
VPB	23,200	8,823.36
FUEVFN30	12,350	6,092.38
MWG	84,100	5,887.27

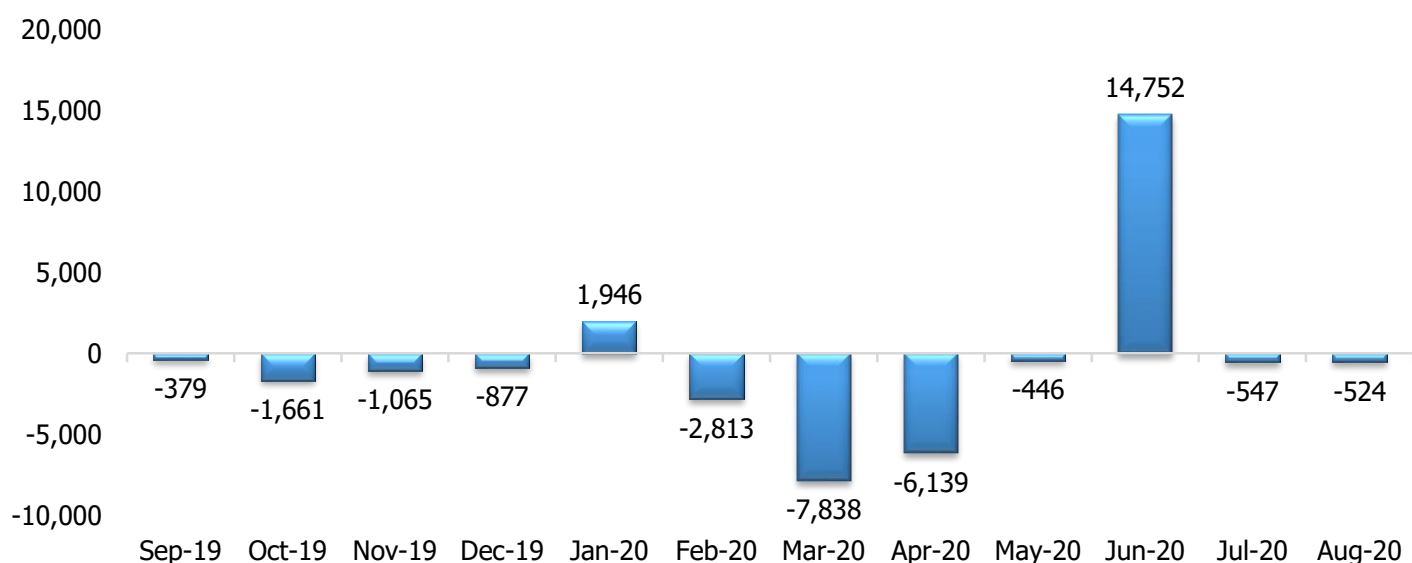
(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)

GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 phiên gần nhất (tỷ VNĐ)



Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài 12 tháng gần nhất (tỷ VNĐ)



HOSE TOP MUA-BÁN RÒNG

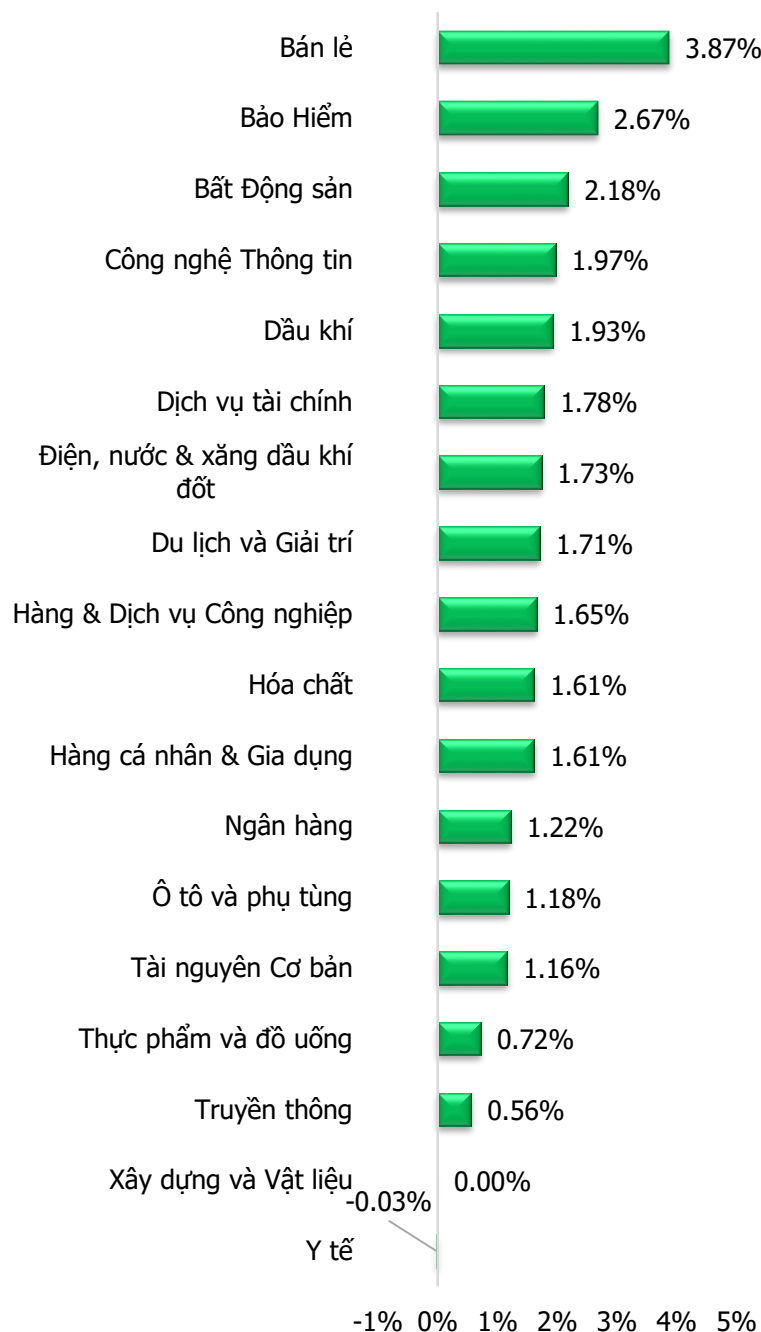
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
E1VFN30	13.87	VNM	95.92
DGW	12.25	HPG	81.17
KSB	8.65	VHM	56.02
PLX	7.72	VRE	48.65
KDC	6.51	VCB	29.54

HNX TOP MUA-BÁN RÒNG

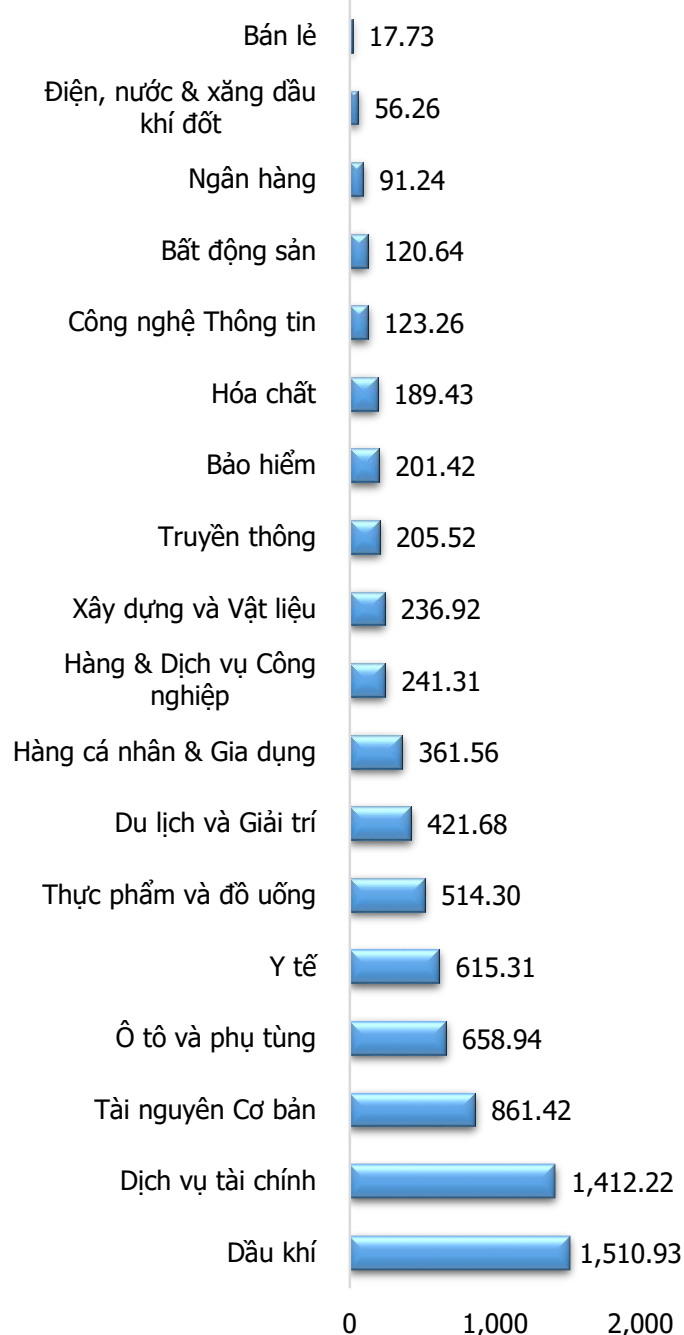
Top mua ròng		Top bán ròng	
Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)	Mã CP	Giá trị (Tỷ đồng)
VCS	2.94	PVS	1.94
BVS	0.47	SD5	1.81
PVI	0.19	VCG	1.65
EID	0.08	SHB	1.32
DXG	0.06	SD6	1.31

NHÓM NGÀNH

Biến động giá theo ngành



Giá trị giao dịch theo ngành (tỷ đồng)



(Nguồn: Fiinpro)

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

	Cổ phiếu	Giá Mua cao nhất	Giá Bán cao nhất	Cắt lỗ	Giá đóng cửa	Vùng Mua dự kiến	Vùng Bán dự kiến	Ngày Mua	Ngày Bán	Lợi nhuận	Cập nhật
Danh Mục Khuyến Nghị Mua	APC	19.4	21.5	17.7	19.40	19.20					Chờ khớp
	C4G	8.7	9.6	7.9	9.00	8.60					Chờ khớp
	CII	18.4	20.4	16.7	18.35	18.20					Chờ khớp
	DGC	35.9	39.8	32.7	36.15	35.50					Chờ khớp
	FRT	24.2	26.8	22.0	24.65	23.96					Chờ khớp
	GTN	24.1	26.8	22.0	24.20	23.90					Chờ khớp
	MWG	83.7	92.8	76.3	84.10	82.90					Chờ khớp
	PLX	48.2	53.4	43.9	48.50	47.70					Chờ khớp
	SAS	26.1	28.9	23.7	26.50	25.80					Chờ khớp
	TDH	7.6	8.4	6.9	7.66	7.50					Chờ khớp
	VIC	88.7	98.3	80.8	89.00	87.80					Chờ khớp
	VLC	27.4	30.4	24.9	27.60	27.10					Chờ khớp
Danh Mục Đang Giữ	UDC	5.1	5.6	4.6	5.63	5.00		8/21/2020		12.6%	Nắm giữ
	ICT	21.1	23.4	19.2	21.65	20.90		8/20/2020		3.6%	Nắm giữ
	POW	10.2	11.3	9.3	10.10	10.10		8/20/2020		0.0%	Nắm giữ
	SHS	11.0	12.2	10.0	11.30	10.90		8/20/2020		3.7%	Nắm giữ
	DST	7.3	8.1	6.6	6.80	7.20		8/17/2020		-5.6%	Nắm giữ
	HT1	14.0	15.6	12.8	14.85	13.90		8/17/2020		6.8%	Nắm giữ
	IMP	45.3	50.3	41.3	48.30	44.90		8/17/2020		7.6%	Nắm giữ
	CAP	30.4	33.7	27.7	31.90	30.10		8/14/2020		6.0%	Nắm giữ
	DCM	8.6	9.5	7.8	9.16	8.50		8/14/2020		7.8%	Nắm giữ
	DPM	14.3	15.8	13.0	15.85	14.15		8/14/2020		12.0%	Nắm giữ
	G36	5.2	5.7	4.7	5.40	5.10		8/14/2020		5.9%	Nắm giữ
	HAH	11.5	12.8	10.5	12.55	11.40		8/14/2020		10.1%	Nắm giữ
	HDC	17.4	19.3	15.8	18.20	17.20		8/14/2020		5.8%	Nắm giữ
	REE	35.1	39.0	32.0	35.95	34.80		8/14/2020		3.3%	Nắm giữ
	HCM	17.8	19.7	16.2	18.40	17.60		8/12/2020		4.5%	Nắm giữ
	DLG	1.4	1.5	1.3	1.40	1.38		8/11/2020		1.4%	Nắm giữ
	THG	50.1	55.6	45.6	53.00	49.60		8/11/2020		6.9%	Nắm giữ
	BMI	21.6	24.0	19.7	22.65	21.40		8/7/2020		5.8%	Nắm giữ
	C32	24.0	26.7	21.9	25.25	23.80		8/7/2020		10.5%	Nắm giữ
	DGW	42.4	47.0	38.6	49.10	42.00		8/6/2020		16.9%	Nắm giữ
	D2D	56.1	62.2	51.1	64.70	55.50		8/6/2020		16.6%	Nắm giữ
	CDC	23.1	25.6	21.1	25.00	22.90		8/5/2020		9.2%	Nắm giữ
	NVL	65.1	72.2	59.3	63.00	64.50		8/3/2020		-2.3%	Nắm giữ
	VSC	30.8	34.2	28.1	33.15	30.50		7/31/2020		8.7%	Nắm giữ
	L14	55.6	61.6	50.6	50.30	55.00		7/29/2020		21.6%	Cần bán
	SCS	111.1	123.2	101.2	114.80	110.00		7/29/2020		4.4%	Nắm giữ
	SZL	41.6	46.1	37.9	54.00	41.20		7/29/2020		31.1%	Nắm giữ
	TPB	20.6	22.8	18.8	22.40	20.40		7/29/2020		9.8%	Nắm giữ
	TRC	31.2	34.6	28.4	31.10	30.90		7/8/2020		0.6%	Nắm giữ
	DHC	37.5	41.6	34.1	45.95	37.10		7/3/2020		23.9%	Nắm giữ
	NT2	22.1	24.5	20.1	22.80	21.90		6/23/2020		14.3%	Nắm giữ
Danh Mục Đã Bán	LHG	20.2	22.4	18.4	24.35	20.00	25.10	8/6/2020	8/21/2020	25.5%	Đã bán
	KSB	22.3	24.8	20.3	26.50	22.10	27.70	8/5/2020	8/21/2020	25.3%	Đã bán
	SZC	23.0	25.5	21.0	26.50	22.80	27.00	7/29/2020	8/12/2020	18.4%	Đã bán
	DVN	10.9	12.1	9.9	11.50	10.80	11.60	7/3/2020	7/21/2020	7.4%	Đã bán
	KDH	23.6	26.2	21.5	22.85	23.40	23.50	7/29/2020	8/3/2020	0.4%	Đã bán

NHÓM CÁC CỔ PHIẾU CÓ GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

HOSE TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PNC	9,950	650	6.99%	15,130
TDH	7,660	500	6.98%	4,219,680
TAC	45,200	2,950	6.98%	14,580
VAF	11,500	750	6.98%	10
DGW	49,100	3,200	6.97%	1,076,550

HNX TOP TĂNG GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NHP	700	100	16.67%	253,400
VIG	800	100	14.29%	542,000
GDW	23,100	2,100	10.00%	301
HTC	27,500	2,500	10.00%	17,000
TMB	17,600	1,600	10.00%	18,315

HOSE TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
NVT	4,500	-290	-6.05%	20,360
DHM	7,300	-490	-6.29%	2,770
BRC	10,650	-750	-6.58%	1,250
DAT	55,700	-4,100	-6.86%	290
HOT	39,400	-2,950	-6.97%	180

HNX TOP GIẢM GIÁ

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
FID	900	-100	-10.00%	3,000
KTT	7,200	-800	-10.00%	380
TPP	10,800	-1,200	-10.00%	300
PCE	13,500	-1,500	-10.00%	100
BII	700	-100	-12.50%	589,210

HOSE TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HQC	1,740	110	6.75%	17,469,670
STB	11,300	250	2.26%	14,295,580
HPG	24,800	450	1.85%	13,933,710
ITA	4,380	160	3.79%	13,550,290
ROS	2,250	10	0.45%	9,206,420

HNX TOP KHỐI LƯỢNG GD ĐỘT BIẾN

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
PVS	12,400	200	1.64%	5,530,026
CEO	7,100	100	1.43%	2,427,272
DST	6,800	-300	-4.23%	1,853,253
TIG	6,400	200	3.23%	1,344,987
TAR	20,600	1,800	9.57%	1,312,454

HOSE TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
HQC	1,740	110	6.75%	17,469,670
STB	11,300	250	2.26%	14,295,580
HPG	24,800	450	1.85%	13,933,710
ITA	4,380	160	3.79%	13,550,290
ROS	2,250	10	0.45%	9,206,420

HNX TOP GIÁ TRỊ GD NHIỀU NHẤT

Mã CK	Giá	+/-	%	KLGD
ACB	21,000	-200	-0.94%	6,821,518
PVS	12,400	200	1.64%	5,530,026
SHB	13,700	300	2.24%	3,605,438
MBG	5,800	500	9.43%	2,603,242
CEO	7,100	100	1.43%	2,427,272

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)



DANH MỤC VN30:

STT	Mã CP	Vốn hóa	Giá trị sổ sách	EPS	ROA	ROE	P/E	P/B	KLGDBQ 6T	Giá hiện tại	Tăng/giảm 12T
		tỷ vnd	vnd	vnd	%	%	lần	lần	cổ phiếu	ngàn vnd	%
1	BID	156,658	19,040	2,164	0.7%	16.2%	18.00	2.05	1,202,850	39,650	6.44%
2	TCH	7,136	13,722	2,186	7.8%	8.7%	9.24	1.47	2,249,674	20,400	-7.36%
3	CTG	90,479	21,608	2,995	0.7%	11.9%	8.11	1.12	5,907,605	24,400	17.11%
4	KDH	13,137	13,690	1,951	5.5%	8.5%	12.23	1.74	1,011,119	23,900	6.29%
5	PLX	56,131	16,110	603	5.8%	16.2%	77.16	2.89	1,006,407	48,500	-21.68%
6	EIB	20,839	13,145	567	0.9%	8.6%	29.92	1.29	4,174,554	16,950	-2.87%
7	FPT	37,157	19,083	4,278	11.7%	23.0%	11.08	2.48	2,191,446	48,450	5.81%
8	GAS	137,804	27,378	5,223	17.5%	25.7%	13.78	2.63	698,670	73,000	-26.55%
9	POW	23,536	11,978	917	4.1%	9.5%	10.96	0.84	4,816,471	10,100	-24.44%
10	HDB	26,273	21,599	4,233	1.4%	18.6%	6.43	1.26	1,535,000	28,200	2.64%
11	HPG	80,678	15,817	2,626	16.4%	26.8%	9.27	1.54	11,063,239	24,800	28.29%
12	MBB	41,718	18,156	3,435	1.4%	14.9%	5.04	0.95	6,492,487	17,800	-16.96%
13	MSN	61,788	19,750	3,245	8.9%	26.1%	16.21	2.66	2,611,850	53,600	-31.69%
14	MWG	37,131	31,501	8,353	12.2%	41.3%	9.82	2.60	1,310,294	84,100	-31.84%
15	NVL	61,122	23,641	4,000	3.7%	13.6%	15.75	2.66	1,881,419	63,000	0.00%
16	PNJ	12,674	20,883	4,610	18.8%	28.3%	12.21	2.70	939,205	58,600	-32.80%
17	REE	11,038	33,877	4,779	11.6%	19.1%	7.45	1.05	730,074	35,950	0.41%
18	ROS	1,271	10,380	-72	7.6%	14.0%	-31.18	0.22	14,756,184	2,250	-91.18%
19	SAB	115,174	28,760	6,642	21.4%	29.3%	27.04	6.24	191,229	183,000	-33.79%
20	SBT	8,578	12,299	619	3.0%	8.0%	22.80	1.15	3,032,113	14,300	-12.96%
21	SSI	8,834	16,208	1,718	6.6%	14.4%	8.56	0.91	4,412,344	15,000	-15.79%
22	STB	19,930	15,218	1,349	0.4%	6.3%	8.19	0.73	11,806,461	11,300	7.80%
23	TCB	71,228	19,157	3,103	3.1%	25.6%	6.56	1.06	4,705,146	20,950	-6.00%
24	VCB	307,466	24,127	4,916	1.2%	20.3%	16.86	3.44	1,308,961	83,900	4.54%
25	VHM	261,516	20,856	6,651	0.0%	0.0%	11.95	3.81	4,313,073	80,000	-8.93%
26	VIC	291,227	23,949	2,156	1.6%	5.8%	39.93	3.60	1,091,819	89,000	-29.66%
27	VJC	52,174	28,616	4,390	15.1%	45.4%	22.69	3.48	398,364	100,000	-23.91%
28	VNM	201,303	17,306	6,161	28.5%	38.9%	18.76	6.68	1,787,123	116,500	-3.08%
29	VPB	53,387	19,475	4,126	2.6%	24.1%	5.31	1.12	6,067,899	23,200	10.89%
30	VRE	60,216	12,214	1,058	5.6%	7.9%	25.04	2.17	3,189,925	26,900	-26.18%

(Nguồn: Fiinpro, VNCS tổng hợp và tính toán)



LIÊN HỆ TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI: csi.research@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Lưu Chí Kháng
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vncsi.com.vn

Người thực hiện: Đỗ Thị Hường
Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vncsi.com.vn

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CSI
Đỗ Bảo Ngọc
Phó Tổng giám đốc & Giám đốc trung tâm nghiên cứu
Email: ngocdb@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán

Lưu Chí Kháng
Phó Phòng Phân tích Kinh tế Vĩ mô
và Thị trường Chứng khoán
Email: khanglc@vncsi.com.vn

Đỗ Thị Hường
Chuyên viên bộ phận Kinh tế Vĩ mô
và Thị trường Chứng khoán
Email: huongdt@vncsi.com.vn

Bộ phận Phân tích Ngành và Doanh nghiệp

Trần Vũ Phương Liên
Chuyên viên phân tích
Email: lientvp@vncsi.com.vn

Vũ Thùy Dương
Chuyên viên phân tích
Email: duongvt@vncsi.com.vn

Hệ Thống Khuyến Nghị: Hệ thống khuyến nghị của CTCP Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI) được xây dựng dựa trên mức chênh lệch của giá mục tiêu 12 tháng và giá cổ phiếu trên thị trường tại thời điểm đánh giá,

Xếp hạng	Khi (giá mục tiêu – giá hiện tại)/giá hiện tại
MUA	>=20%
KHẢ QUAN	Từ 10% đến 20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Từ -10% đến +10%
KÉM KHẢ QUAN	Từ -10% đến - 20%
BÁN	<= -20%

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Bản quyền thuộc về Công ty Cổ phần Chứng khoán Kiến Thiết Việt Nam (CSI), Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và CSI không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng, Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của CSI, Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào, Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của CSI.

TRỤ SỞ CSI
Tầng 11 Tòa Nhà Diamond Flower, số 48 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: + 84 24 3926 0099 Webiste: <https://www.vncsi.com.vn>